

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 64/NQ-HĐND

Thái Nguyên, ngày 29 tháng 8 năm 2022

### **NGHỊ QUYẾT**

**Về việc thông qua điều chỉnh, bổ sung danh mục các dự án thu hồi đất, các dự án có chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên**

### **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN KHÓA XIV, KỲ HỌP THỨ TÁM (KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ)**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;*

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;*

*Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;*

*Căn cứ Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;*

*Căn cứ Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về phân bổ chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Kế hoạch sử dụng đất quốc gia 05 năm 2021 - 2025;*

*Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12 tháng 4 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;*

*Xét Tờ trình số 121/TTr-UBND ngày 19 tháng 8 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc thông qua Nghị quyết điều chỉnh, bổ sung danh mục các dự án thu hồi đất, các dự án có chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Thông qua bổ sung danh mục các dự án thu hồi đất, các dự án có chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, cụ thể như sau:

- 19 dự án thu hồi đất với diện tích 68,51 ha.

*(Chi tiết tại Phụ lục I kèm theo)*

- 12 dự án có chuyển mục đích sử dụng dưới 10 ha đất trồng lúa với diện tích 21,01 ha.

*(Chi tiết tại Phụ lục II kèm theo)*

**Điều 2.** Thông qua điều chỉnh tên, địa điểm, diện tích đối với 17 dự án trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; đưa 06 dự án trên địa bàn huyện Phú Lương ra khỏi Nghị quyết số 208/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thông qua điều chỉnh danh mục các dự án thu hồi đất, các dự án có chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa năm 2021 và thông qua danh mục các dự án thu hồi đất, các dự án có chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa năm 2022 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

*(Chi tiết tại Phụ lục III, IV kèm theo)*

**Điều 3.** Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm về tính chính xác của hồ sơ; căn cứ pháp lý của các dự án và tổ chức thực hiện Nghị quyết đảm bảo đúng chỉ tiêu sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai năm 2013, quy hoạch sử dụng đất cấp huyện thời kỳ 2021 - 2030 và các văn bản pháp luật có liên quan.

Chỉ thực hiện việc thu hồi, chuyển mục đích sử dụng đất khi đã đảm bảo đầy đủ thủ tục, quy trình và đúng quy định của pháp luật. Trong quá trình thực hiện, Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp tục rà soát quy mô, diện tích của từng dự án, đánh giá tiến độ triển khai, sắp xếp thứ tự ưu tiên thực hiện theo tính cấp thiết của từng dự án, đảm bảo mục tiêu sử dụng đất hiệu quả, tiết kiệm. Sau thu hồi, yêu cầu chủ đầu tư sớm đưa vào sử dụng đất có hiệu quả. Kiên quyết xử lý các dự án chậm triển khai, vi phạm Luật Đất đai theo quy định.

Trường hợp phát sinh yêu cầu sử dụng đất để thực hiện các công trình, dự án quan trọng cấp bách vì lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng mà chưa có trong danh mục được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua hoặc trường hợp

cần điều chỉnh, giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổng hợp trình Hội đồng nhân dân tỉnh tại các kỳ họp trong năm 2022.

Tiếp tục cải cách hành chính, nhất là cải cách các thủ tục hành chính trong lĩnh vực đầu tư, xây dựng và đất đai. Tuân thủ đúng quy trình, quy định pháp lý trong tổ chức thực hiện thu hồi đất.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Khóa XIV, Kỳ họp thứ tám (Kỳ họp chuyên đề) thông qua ngày 29 tháng 8 năm 2022./.

**CHỦ TỊCH**

**Phạm Hoàng Sơn**

**Phụ lục I**

**Danh mục 19 dự án thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên**  
(Kèm theo Nghị quyết số: 64/NQ-HĐND ngày 29 tháng 8 năm 2022  
của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

STT	Tên công trình dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Trong đó sử dụng từ loại đất (ha)			
				Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác
	<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>68,51</b>	<b>42,52</b>			<b>25,99</b>
<b>I</b>	<b>THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN</b>		<b>58,51</b>	<b>36,06</b>			<b>22,45</b>
1	Đầu tư xây dựng Khu liên hợp trung tâm hội chợ xúc tiến thương mại ngành xây dựng kết hợp khu ở cao cấp - Pienza Plaza Thái Nguyên	Phường Đồng Bầm, thành phố Thái nguyên	2,69				2,69
2	Đầu tư xây dựng Khu liên hợp trung tâm hội chợ xúc tiến thương mại ngành xây dựng kết hợp khu ở cao cấp Pienza Thái Nguyên 2	Phường Đồng Bầm, thành phố Thái nguyên	0,26	0,13			0,13
3	Xây dựng Khu phố châu Âu bên bờ sông Cầu	Phường Đồng Bầm, thành phố Thái nguyên	3,39	0,48			2,91
4	Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu dân cư số 1, xã Quyết Thắng, thành phố Thái Nguyên (bổ sung phần còn lại của dự án)	Xã Quyết Thắng, thành phố Thái nguyên	0,90	0,38			0,52
5	Khu tái định cư số 1, xã Cao Ngạn, thành phố Thái Nguyên (giai đoạn II)	Xã Cao Ngạn, thành phố Thái nguyên	4,06	0,60			3,46
6	Khu đô thị mới Linh Sơn – Huống Thượng, thành phố Thái Nguyên (Khu số 2)	Xã Huống Thượng, thành phố Thái nguyên	43,74	33,78			9,96
7	Xây dựng Trụ sở Công an xã Quyết Thắng	Xã Quyết Thắng, thành phố Thái nguyên	0,15	0,03			0,12
8	Xây dựng Trụ sở Công an xã Thịnh Đức	Xã Thịnh Đức, thành phố Thái nguyên	0,15				0,15
9	Xây dựng Trụ sở Công an xã Sơn Cẩm	Xã Sơn Cẩm, thành phố Thái nguyên	0,21				0,21

10	Chợ truyền thống kết hợp trung tâm thương mại dịch vụ tại phường Gia Sàng (đầu giá đất thực hiện Dự án)	Phường Gia Sàng, thành phố Thái nguyên	0,37				0,37
11	Đầu tư xây dựng nút giao đường Thanh niên với đường Bắc Kạn	Phường Trung Vương, thành phố Thái nguyên	0,74				0,74
12	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường ngõ rẽ từ đường Hoàng Văn Thụ bên cạnh tường rào Nhà hát ca múa dân gian Việt Bắc	Phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Thái nguyên	0,07				0,07
13	Đường dây và Trạm biến áp 110kV Núi Cốc	Xã Thịnh Đức, xã Tân Cương, xã Phúc Trìu, xã Phúc Xuân, thành phố Thái nguyên	1,77	0,66			1,11
STT	Tên công trình dự án sử dụng đất	Địa điểm ( <i>xã, phường, thị trấn, huyện</i> )	Diện tích (ha)	Trong đó sử dụng từ loại đất (ha)			
				Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác
<b>II</b>	<b>THÀNH PHỐ SÔNG CÔNG</b>		<b>9,32</b>	<b>6,09</b>			<b>3,23</b>
1	Khu nhà ở Huy Hải (trước đây là Khu dân cư phường Cải Đan)	Phường Cải Đan, thành phố Sông Công	0,27	0,01			0,26
2	Cải tạo, nâng cấp Trường Tiểu học Lý Tự Trọng	Phường Thăng Lợi, thành phố Sông Công	0,24	0,18			0,06
3	Đầu tư xây dựng tuyến đường gom bên trái cao tốc Hà Nội - Thái Nguyên, đoạn từ nút giao Sông Công đến nút giao Tân Lập	Phường Lương Sơn, thành phố Sông Công	1,33	0,40			0,93
		Xã Tân Quang, thành phố Sông Công	7,48	5,50			1,98
<b>III</b>	<b>HUYỆN ĐỒNG HỖ</b>		<b>0,68</b>	<b>0,37</b>			<b>0,31</b>
1	Trụ sở công an xã Hợp Tiến	Xã Hợp Tiến, huyện Đồng Hỷ	0,20	0,02			0,18
2	Trụ sở công an xã Hóa Thượng	Xã Hóa Thượng, huyện Đồng Hỷ	0,43	0,35			0,08
3	Nhà văn hóa xóm Đồng Mây, xã Tân Long	Xã Tân Long, huyện Đồng Hỷ	0,05				0,05

**Phụ lục II**  
**Danh mục 12 dự án chuyển mục đích sử dụng dưới 10 ha đất trồng lúa**  
**trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên**  
*(Kèm theo Nghị quyết số: 64/NQ-HĐND ngày 29 tháng 8 năm 2022*  
*của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên)*

STT	Tên công trình dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Trong đó sử dụng từ loại đất (ha)			
				Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác
	<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>21,01</b>	<b>9,20</b>			<b>11,81</b>
<b>I</b>	<b>THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN</b>		<b>11,06</b>	<b>2,74</b>			<b>8,32</b>
1	Đầu tư xây dựng Khu liên hợp trung tâm hội chợ xúc tiến thương mại ngành xây dựng kết hợp khu ở cao cấp Pienza Thái Nguyên 2	Phường Đồng Bầm, thành phố Thái Nguyên	0,26	0,13			0,13
2	Xây dựng Khu phố châu Âu bên bờ sông Cầu	Phường Đồng Bầm, thành phố Thái Nguyên	3,39	0,48			2,91
3	Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu dân cư số 1, xã Quyết Thắng, thành phố Thái Nguyên (bổ sung phần còn lại)	Xã Quyết Thắng, thành phố Thái Nguyên	0,90	0,38			0,52
4	Khu tái định cư số 1, xã Cao Ngạn, thành phố Thái Nguyên (giai đoạn II)	Xã Cao Ngạn, thành phố Thái Nguyên	4,06	0,60			3,46
5	Xây dựng Trụ sở Công an xã Quyết Thắng	Xã Quyết Thắng, thành phố Thái Nguyên	0,15	0,03			0,12
6	Trung tâm cung ứng vật liệu xây dựng, thiết bị vệ sinh, dịch vụ bê boi Việt Bắc	Phường Thịnh Đán, thành phố Thái Nguyên	0,53	0,46			0,07
7	Đường dây và Trạm biến áp 110kV Núi Cốc	Xã Thịnh Đức, xã Tân Cương, xã Phúc Trìu, xã Phúc Xuân, thành phố Thái Nguyên	1,77	0,66			1,11
<b>II</b>	<b>THÀNH PHỐ SÔNG CÔNG</b>		<b>9,32</b>	<b>6,09</b>			<b>3,23</b>
1	Khu nhà ở Huy Hải (trước đây là Khu dân cư phường Cải Đan)	Phường Cải Đan, thành phố Sông Công	0,27	0,01			0,26
2	Cải tạo, nâng cấp Trường Tiểu học Lý Tự Trọng	Phường Thắng Lợi, thành phố Sông Công	0,24	0,18			0,06
3	Đầu tư xây dựng tuyến đường gom bên trái cao tốc Hà Nội - Thái Nguyên, đoạn từ nút giao Sông Công đến nút giao Tân Lập	Phường Lương Sơn, thành phố Sông Công	1,33	0,40			0,93
		Xã Tân Quang, thành phố Sông Công	7,48	5,50			1,98
<b>III</b>	<b>HUYỆN ĐỒNG HỖ</b>		<b>0,63</b>	<b>0,37</b>			<b>0,26</b>
1	Trụ sở công an xã Hợp Tiến	Xã Hợp Tiến, huyện Đồng Hỷ	0,20	0,02			0,18
2	Trụ sở công an xã Hóa Thượng	Xã Hóa Thượng, huyện Đồng Hỷ	0,43	0,35			0,08

**Phụ lục III**  
**Điều chỉnh tên, địa điểm, diện tích đối với 17 dự án trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên**  
*(Kèm theo Nghị quyết số: 64/NQ-HĐND ngày 29 tháng 8 năm 2022*  
*của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên)*

Nghị quyết của HĐND tỉnh Thái Nguyên đã phê duyệt								Nay điều chỉnh lại như sau									
STT	Tên công trình, dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Sử dụng từ nhóm đất (ha)				STT	Tên công trình, dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Sử dụng từ nhóm đất (ha)					
				Nhóm đất nông nghiệp			Nhóm đất phi nông nghiệp					Nhóm đất chưa sử dụng	Nhóm đất nông nghiệp			Nhóm đất phi nông nghiệp	Nhóm đất chưa sử dụng
				Tổng	Trong đó:								Tổng	Trong đó:			
				Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ					Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ						
<b>A</b>	<b>Nghị quyết số 47/NQ-HĐND ngày 11/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh</b>																
<b>I</b>	<b>Huyện Đại Từ</b>							<b>I</b>	<b>Huyện Đại Từ</b>								
1	Phòng khám đa khoa Thủ Đô	Thị trấn Hùng Sơn, huyện Đại Từ	0,33	0,32	0,22		0,01	1	Bệnh viện đa khoa Thủ Đô	Thị trấn Hùng Sơn, huyện Đại Từ	0,33	0,32	0,22		0,01		
<b>II</b>	<b>Thành phố Thái Nguyên</b>							<b>II</b>	<b>Thành phố Thái Nguyên</b>								
1	Khu dân cư liền kề phường Hương Sơn, thành phố Thái Nguyên	Phường Hương Sơn, thành phố Thái Nguyên	4,13	0,12			2,45	1,55	1	Khu dân cư liền kề phường Hương Sơn, thành phố Thái Nguyên	Phường Hương Sơn, thành phố Thái Nguyên	4,07	2,32	1,74	1,69	0,06	
2	Nâng cấp đường Lê Hữu Trác,	Phường Tân Lập, thành phố	0,23	0,15			0,08		2	Nâng cấp đường Lê Hữu Trác,	Phường Tân Lập, thành phố Thái	0,41	0,32	0,03		0,09	

	phường Tân Lập	Thái Nguyên							phường Tân Lập	Nguyên						
		Phường Thịnh Đán, thành phố Thái Nguyên	1,33	1,13	0,57		0,20			Phường Thịnh Đán, thành phố Thái Nguyên	1,50	1,30	0,57		0,20	
3	Nâng cao hiệu quả lưới điện trung áp khu vực thành phố Thái nguyên (KFW3)	Các phường, xã: Quang Trung, Đồng Quang, Tân Thịnh, Thịnh Đán, Trung Vương, Quan Triều, Phú Xá, Cam Giá, Thịnh Đức, Tân Lập, Tích Lương, Trung Thành, thành phố Thái Nguyên	0,62	0,62				3	Nâng cao hiệu quả lưới điện trung áp khu vực thành phố Thái nguyên (KFW3)	Các phường, xã: Thịnh Đán, Phú Xá, Thịnh Đức, Tân Lập, Tích Lương, Trung Thành, thành phố Thái Nguyên	0,052	0,052	0,012			
4	Khu du lịch sinh thái nghỉ dưỡng 5 sao	Xã Phúc Xuân, thành phố Thái Nguyên	22,20	22,20		19,80		4	Khu du lịch sinh thái nghỉ dưỡng	Xã Phúc Xuân, thành phố Thái Nguyên	18,93	18,21		18,21	0,72	

	Hồ Núi Cốc									quốc tê 5 sao Hồ Núi Cốc, giai đoạn 1										
<b>B</b>	<b>Nghị Quyết số 47/NQ-HĐND ngày 11/12/2020 và Nghị quyết số 146/NQ-HĐND ngày 12/8/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh</b>																			
<b>I</b>	<b>Thành phố Thái Nguyên</b>							<b>I</b>	<b>Thành phố Thái Nguyên</b>											
1	Khu đô thị Thái Sơn	Xã Quyết Thắng, thành phố Thái Nguyên	47,00	36,57	17,30		10,03	0,40	1	Khu đô thị Thái Sơn	Xã Quyết Thắng, thành phố Thái Nguyên	47,55	37,12	16,45		10,03	0,40			
2	Khu đô thị Thái Sơn (bổ sung)	Xã Quyết Thắng, thành phố Thái Nguyên	0,81	0,81	0,81															
<b>II</b>	<b>Thành phố Sông Công</b>							<b>II</b>	<b>Thành phố Sông Công</b>											
1	Khu đô thị và dịch vụ tiện ích Sông Công 2 (Khu A)	Phường Lương Sơn, thành phố Sông Công	10,00	9,00	7,00		1,00		1	Khu đô thị và dịch vụ tiện ích Sông Công 2 (Khu A)	Phường Lương Sơn, thành phố Sông Công	13,33	11,74	7,00		1,59				
2	Khu đô thị và dịch vụ tiện ích Sông Công	Xã Tân Quang, thành phố Sông Công	11,80	9,66	5,64		2,13				Xã Tân Quang, thành phố Sông Công	11,80	9,66	5,64		2,13				

	Công 2 (Khu A) (bổ sung)	Công								Công							
		Phường Bách Quang, thành phố Sông Công	8,17	6,75	3,92			1,42			Phường Bách Quang, thành phố Sông Công	8,17	6,75	3,92		1,42	
		Phường Lương Sơn, thành phố Sông Công	3,33	2,74			0,59										
3	Khu đô thị và dịch vụ tiện ích Sông Công 2 (Khu B)	Phường Lương Sơn, phường Bách Quang, thành phố Sông Công	10,00	9,00	7,00		1,00		2	Khu đô thị và dịch vụ tiện ích Sông Công 2 (Khu B)	Phường Lương Sơn, thành phố Sông Công	45,70	30,70	24,00		15,00	
4	Khu đô thị và dịch vụ tiện ích Sông Công 2 (Khu B) (bổ sung)	Phường Lương Sơn, thành phố Sông Công	35,70	21,70	17,00		14,00										
5	Hạ tầng Khu dân cư	Xã Bá Xuyên, thành phố	4,00	3,90	3,50		0,10		3	Hạ tầng Khu dân cư xã Bá	Xã Bá Xuyên, thành phố	3,90	3,85	3,50		0,05	

	xã Bá Xuyên	Sông Công							Xuyên	Sông Công						
										phường Châu Sơn, thành phố Sông Công	0,10	0,05				0,05
6	Khu đô thị Thăng Lợi	Phường Thăng Lợi, phường Mỏ Chè, phường Bách Quang, thành phố Sông Công	10,00	9,00	8,00		1,00		4	Khu đô thị Thăng Lợi, thành phố Sông Công	Phường Bách Quang, thành phố Sông Công	19,71	17,71	15,00		2,00
7	Khu đô thị Thăng Lợi (bổ sung)	Phường Bách Quang, thành phố Sông Công	9,90	8,90	7,00		1,00									
<b>C</b>	<b>Ngị Quyết số 208/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh</b>															
<b>I</b>	<b>Huyện Phú Bình</b>								<b>I</b>	<b>Huyện Phú Bình</b>						
1	Khu đô thị Hòa Bình (Khu đô	Thị trấn Hương Sơn, huyện	37,28	33,78	23,85		3,50		1	Khu đô thị Hòa Bình (Khu đô	Thị trấn Hương Sơn, huyện	26,55	24,49	23,85		2,06

	thị Nhà phố Việt cũ)	Phú Bình								thị Nhà phố Việt cũ)	Phú Bình							
<b>D</b>	<b>Nghị Quyết số 146/NQ-HĐND ngày 12/8/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh</b>																	
<b>I</b>	<b>Huyện Phú Lương</b>									<b>I</b>	<b>Huyện Phú Lương</b>							
1	Trường Trung học phổ thông Túc Tranh	Xã Túc Tranh, huyện Phú Lương	3,69	3,49	0,08		0,20			1	Trường Trung học phổ thông Túc Tranh	Xã Túc Tranh, huyện Phú Lương	3,69	2,78	0,73		0,17	0,01
<b>Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên đã phê duyệt</b>									<b>Nay điều chỉnh lại như sau</b>									
STT	Tên công trình, dự án sử dụng đất	Địa điểm ( <i>xã, phường, thị trấn, huyện</i> )	Diện tích (ha)	Trong đó sử dụng từ loại đất (ha)				STT	Tên công trình, dự án sử dụng đất	Địa điểm ( <i>xã, phường, thị trấn, huyện</i> )	Diện tích (ha)	Trong đó sử dụng từ loại đất (ha)						
				Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác					Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác			
<b>E</b>	<b>Nghị Quyết số 47/NQ-HĐND ngày 11/12/2020 và Nghị Quyết số 208/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh</b>																	
<b>I</b>	<b>Huyện Đại Từ</b>								<b>I</b>	<b>Huyện Đại Từ</b>								
1	Khu đô thị Sơn Hà	Thị trấn Hùng Sơn, huyện Đại Từ	11,58	2,49			9,09											
2	Khu đô thị Sơn Hà	Thị trấn Hùng Sơn, huyện Đại Từ	27,36	12,36			15,00		1	Khu đô thị Sơn Hà	Thị trấn Hùng Sơn, huyện Đại Từ	28,52	11,50					17,02
<b>G</b>	<b>Nghị Quyết số 208/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh</b>																	
<b>I</b>	<b>Thành phố Thái Nguyên</b>								<b>I</b>	<b>Thành phố Thái Nguyên</b>								

1	Khu đô thị Hương Sơn, phường Hương Sơn, thành phố Thái Nguyên	Phường Hương Sơn, thành phố Thái Nguyên	37,26	21,56			15,70	1	Khu đô thị Hương Sơn	Phường Hương Sơn, thành phố Thái Nguyên	39,56	21,56			18,00
<b>II</b>	<b>Thành phố Sông Công</b>							<b>II</b>	<b>Thành phố Sông Công</b>						
1	Công viên thành phố Sông Công	Phường Cải Đan, thành phố Sông Công	21,20	19,30			1,90	1	Công viên thành phố Sông Công	Phường Cải Đan, , thành phố Sông Công	12,10	11,30			0,80
										phường Bách Quang, thành phố Sông Công	9,10	8,00			1,10
2	Đường du lịch Sông Công - Núi Cốc (đoạn Km0+00 đến Km2+210)	Xã Bình Sơn, thành phố Sông Công	7,50	5,00			2,50	2	Đường du lịch Sông Công - Núi Cốc (đoạn Km0+00 đến Km2+210)	Xã Bình Sơn, thành phố Sông Công	7,30	5,00			2,30
										xã Bá Xuyên, thành phố Sông Công	0,20				0,20
3	Khu đô thị đường Trần Phú	Phường Bách Quang, thành phố Sông Công	14,09	10,02			4,07	3	Khu đô thị đường Trần Phú (Khu A)	Phường Bách Quang, thành phố Sông Công	11,75	8,72			3,03
		Phường Cải Đan, thành phố Sông Công	12,23	9,48			2,75			Phường Cải Đan, thành phố Sông Công	1,08	1,08			

**Phụ lục IV**

**Danh mục 06 dự án trên địa bàn huyện Phú Lương đưa ra khỏi  
Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên**  
(Kèm theo Nghị quyết số: 64 /NQ-HĐND ngày 29 tháng 8 năm 2022  
của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

STT	Tên công trình, dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Trong đó sử dụng từ loại đất (ha)			
				Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác
<b>A</b>	<b>Đưa ra khỏi danh mục đã phê duyệt tại Nghị Quyết số 208/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh</b>						
<b>I</b>	<b>Huyện Phú Lương</b>						
1	Dự án sản xuất nông nghiệp tập trung THM - NN Phú Lương 1	Xã Yên Đổ, huyện Phú Lương	54,10	0,66			53,44
2	Dự án sản xuất nông nghiệp tập trung THM - NN Phú Lương 2	Xã Yên Đổ, huyện Phú Lương	51,12	1,68			49,44
		Xã Yên Trách, huyện Phú Lương	11,06	0,88			10,18
3	Dự án sản xuất nông nghiệp tập trung THM - NN Phú Lương 3	Xã Yên Đổ, huyện Phú Lương	30,32	2,21			28,11
		Xã Yên Trách, huyện Phú Lương	33,16	0,24			32,92
4	Dự án sản xuất nông nghiệp tập trung THM - NN Phú Lương 4	Xã Yên Đổ, huyện Phú Lương	53,74	0,57			53,17
		Xã Yên Trách, huyện Phú Lương	14,23				14,23
5	Dự án sản xuất nông nghiệp tập trung THM - NN Phú Lương 10	Xã Yên Đổ, huyện Phú Lương	14,52	1,09			13,43
6	Tổ hợp văn hóa đa năng và đô thị sinh thái	Xã Yên Lạc, huyện Phú Lương	278,07	5,25			272,82
		Xã Phú Đô, huyện Phú Lương	32,00				32,00
		Xã Tức Tranh, huyện Phú Lương	79,93	3,47			76,46